

Số: /SNNMT-ĐCKS

Cao Bằng, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện các thủ tục liên quan
đến hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi
khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-
CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh Cao Bằng;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực
khoáng sản trên địa bàn tỉnh;
- Công ty cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.
(Sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị)

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tại Công văn số 3298/UBND-KT ngày 21/10/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 (sau đây gọi là Nghị quyết). Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ và tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghiên cứu, thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV để cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng

Không phải thực hiện thủ tục quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư; không phải căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, không phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, trừ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; không phải thực hiện thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; không phải căn cứ vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật Địa chất và khoáng sản. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các quy định về thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, nghĩa vụ tài chính, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật.

Nhà thầu thi công, nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết hoặc tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và chỉ phục vụ cho các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết nộp 01 bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành phần hồ sơ theo từng thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản)

b) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT)

c) Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (bản chính);

(Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản)

d) Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định 193/2025/NĐ-CP¹ trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không phải là nhà thầu thi công, nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (bản sao y);

đ) Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao y).

e) Đối với trường hợp là nhà thầu thi công: Văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (bản chính); Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản;

(Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT)

b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò bổ sung công trình nâng cấp trữ lượng khoáng sản;

¹ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

(Mẫu số 03 Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT)

c) Các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chi tiêu tính trữ lượng;

d) Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản)

b) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (bản chính);

(Mẫu số 35 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

c) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản (bản sao y);

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường (bản sao y). Tổ chức, cá nhân không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đ) Hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 của Nghị định 193/2025/NĐ-CP.

II. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 73 Luật Địa chất và khoáng sản và không phải căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, không phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, trừ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các quy định về thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, nghĩa vụ tài chính, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật.

Nhà thầu thi công, nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết hoặc tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và chỉ phục vụ cho các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết nộp 01 bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành phần hồ sơ theo từng thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (bản chính);

(Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

b) Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 55 của

Nghị định số 193/2025/NĐ-CP trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung không phải là nhà thầu thi công, nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (bản sao y);

c) Đối với trường hợp là nhà thầu thi công: Văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (bản chính); Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

Lưu ý: Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung khoáng sản nhóm IV phục vụ thi công các dự án, công trình, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết không cần xác nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (bản chính);

(Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

b) Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (bản chính);

(Mẫu số 37 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

c) Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (bản chính).

(Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT).

III. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nâng công suất khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV

Không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư; điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường.

Việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nâng công suất khai thác phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mở điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực lập hồ sơ gia hạn (nếu còn trữ lượng theo giấy phép), điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nâng công suất khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV để cung cấp cho các dự án, công trình, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết nội bộ 01 bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành phần hồ sơ theo từng thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 04 đối với khoáng sản nhóm III, Mẫu số 05 đối với khoáng sản nhóm IV Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT).

b) Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (bản chính);

(Mẫu số 35 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính hoặc bản sao y);

(Mẫu số 36 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT).

d) Các hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng giữa tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản với các nhà thầu thi công hoặc nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (nếu có) (bản sao).

Lưu ý: Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nâng công suất khai thác khoáng sản

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT).

b) Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

(Mẫu số 35 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT)

c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính hoặc bản sao y);

(Mẫu số 36 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT).

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng (bản sao y). Tổ chức, cá nhân không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đ) Các hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng giữa tổ chức, cá nhân được

cấp giấy phép khai thác khoáng sản với các nhà thầu thi công hoặc nhà đầu tư thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết (nếu có) (bản sao).

Lưu ý: Được điều chỉnh giấy phép để nâng công suất khai thác (không tăng trữ lượng đã cấp phép) theo nhu cầu của các công trình, dự án nhưng không quá 50% đối với cát, sỏi lòng sông và không hạn chế đối với khoáng sản nhóm III còn lại và khoáng sản nhóm IV (theo nhu cầu của các công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết).

IV. Khai thác, thu hồi khoáng sản để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp về thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, thu hồi khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp về thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng không phải thực hiện các thủ tục về cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

Sau khi kết thúc nhiệm vụ, cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, thu hồi khoáng sản có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về khối lượng, loại khoáng sản, vị trí, tọa độ khai thác, thu hồi để phục vụ công tác quản lý dữ liệu khoáng sản.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ. Trường hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hướng dẫn chi tiết triển khai thực hiện Nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh Cao Bằng², Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ trực tiếp với Phòng Địa chất và Khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*địa chỉ: Tầng 1, Tòa C, Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành tỉnh, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng*) để được trao đổi, giải đáp, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, ĐCKS(NT).

GIÁM ĐỐC

Nông Quốc Hùng

² Công văn số 3127/UBND-KT ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ.